

THÔNG BÁO GIA HẠN THỜI ĐIỂM KHẢO SÁT, BÁO GIÁ

1. Nội dung thông báo mời khảo sát, báo giá trên Website của TKV và Website: dienluctkv.vn, ngày 12/05/2025

- Tên bên mời khảo sát, báo giá: Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV.
- Tên Đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị Hệ thống lấy mẫu, phân tích tự động hơi nước NMNĐ Nông Sơn
- Thời gian khảo sát, báo giá: Từ 7h00 phút ngày 12 tháng 05 năm 2025 đến trước 9h 00 phút ngày 21 tháng 05 năm 2025.
- Địa chỉ tiếp nhận báo giá:
 - + Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: tổ dân phố Nông Sơn, thị trấn Trung Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Điện thoại: 02353. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)
 - + Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: Nongson@vinacominpowers.vn và Email: phongkhnongson@gmail.com (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

2. Nội dung thông báo mời khảo sát, báo giá (Gia hạn) trên Website của TKV và Website: dienluctkv.vn, ngày 30/05/2025

- Tên bên mời khảo sát, báo giá: Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV.
- Tên Đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị Hệ thống lấy mẫu, phân tích tự động hơi nước NMNĐ Nông Sơn
- Thời gian gia hạn: Đến trước 9h 00 phút ngày 13 tháng 06 năm 2025.

3. Nay Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV gia hạn (Lần 3) thời điểm hết hạn thời gian khảo sát, báo giá như sau:

- Thời gian nhận bản báo giá gia hạn: Bản báo giá và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 06 năm 2025.
- Địa chỉ tiếp nhận báo giá:
 - + Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: tổ dân phố Nông Sơn, thị trấn Trung Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Điện thoại: 02353. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực

tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)

+ Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: **Nongson@vinacompower.vn** và **Email: phongkhnongson@gmail.com** (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp quan tâm báo giá.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Email: truyenthongtkv@vinacom.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacompower.vn (để đăng tải);
- Lưu VT, KĐV, Th(3).



GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Thắng

PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ CÁC VẬT TƯ, HÀNG HÓA
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG LẤY MẪU, PHÂN TÍCH TỰ ĐỘNG HƠI NƯỚC NMNĐ NÔNG SƠN
(Kèm theo văn bản số: 13020 /V.NSCP-KĐV ngày 12 tháng 06 năm 2025)

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
1	Van tiết lưu	5L21W – 64P; SUS304, van hàn	Cái	4					
2	Van hàn	6J61W – 200P; DN10, SUS304	Cái	42					
3	Đồng hồ đo nhiệt độ tại chỗ	WSS – 411BF 0-100°C; Gen ngoài M20x1.5	Cái	1					
4	Đồng hồ đo áp lực tại chỗ	0-0,6Mpa; M20x1.5	Cái	1					
5	Van công	DN80; PN1.6; J41H-16C; Vật liệu cấu tạo: WCB Kích thước: DN80 Khả năng chịu áp: PN16 Nhiệt độ làm việc: <425 oC. Kiểu kết nối: Kết nối mặt bích, bích 8 lỗ Kiểu điều khiển: Điều khiển bằng tay quay	Cái	1					
6	Máy nén lạnh	ZR48KC – TFD-522; Điện áp: 380VAC/50Hz Công suất: 4hp Gas:R22	Cái	1					
7	Role áp suất	P30 Range: 5-30bar; Fix 3-5bar; Đầu nối ren ngoài: 13mm	Cái	2					
8	Van tay nước vào/ra tủ ổn định nhiệt độ	DN25; PN1.6; J41H-16C; Vật liệu cấu tạo: WCB Kích thước: DN25 Khả năng chịu áp: PN16 Nhiệt độ làm việc: <425 oC. Kiểu kết nối: Kết nối mặt bích, bích 8 lỗ Kiểu điều khiển: Điều khiển bằng tay quay	Cái	2					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
9	Đồng hồ đo nhiệt độ	0-100°C WSS M27x2	Cái	2					
10	Cột trao đổi ion	Bản vẽ kèm theo	Bộ	4					
11	Cốc lọc mẫu	Pall Capsule Filter MACWA0503; CF-60-P-5-S1-S1, code 601, PP, 5 Micron Inlet/outlet: 1,4"	cái	40					
12	Cột đo lưu lượng	LZB6 ; kích thước 250mm x 20mm	cái	20					
13	Đồng hồ đo áp lực	chân sau có vành 63mm - Đầu kết nối phía sau HV 0 -1,5Mpa, gen ngoài 13mm	cái	15					
14	Van hàn	3J21W – 25P; DN6; 304SS	cái	40					
15	Van điện từ	3/8" gen 2 đầu 220VAC; ED100%; IP 0/65; Van điện từ thường đóng; Ren 17, 3/8 inch	cái	10					
16	Cảm biến nhiệt độ	PT100; 5M/sợi	cái	10					
17	Máy đo độ dẫn + đầu dò - Mettler Toledo M200	Nguồn cấp: 220VAC, Tín hiệu: 4-20mA, Dải đo : 0.01 μ S/cm - 50,000 μ S/cm Độ chính xác : 0.1 cm-1 sensors: $\pm$ 1% for 0.02-5,000 μ S/cm; $\pm$ 3% > 5,000 μ S/cm Nhiệt độ sử dụng: 93°C • Đầu dò sử dụng công nghệ ISM, đảm bảo không bị suy hao tín hiệu • Thiết bị phải được hiệu chuẩn bởi chính hãng, • Các kỹ sư chính hãng phải thực hiện hướng dẫn và cung cấp chứng chỉ sử dụng chính hãng cho kỹ sư nhà máy	Bộ	4					
18	Đầu dò đo độ dẫn	58031404 Mettler Toledo M200 Cond ¾ NPT0.1C Ti 2 ISM	Cái	3					
19	Máy đo PH + đầu dò - Mettler Toledo M200	Nguồn cấp: 220VAC, Tín hiệu: 4-20mA, Dải đo: 0-14PH Vật liệu: pH Glass, platinum solution	Bộ	2					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
		ground / ORP Chuẩn kết nối: 1/4" NPT(F) in / out Mức lưu lượng hoạt động: 5ml khi lắp cổ định Áp suất: Hoạt động ở áp suất khí quyển, Áp suất tối đa 7 bar (g) (100 psig) Nhiệt độ mẫu: 0 đến 100°C (32 - 212°F) Khoảng đo: 0 đến 14pH Lưu lượng : 50 – 250 ml/min • Thiết bị độ pH là loại chuyên dùng cho môi trường có độ dẫn điện thấp, và theo như tài liệu kỹ thuật thì với môi trường có độ dẫn điện > 0.3 $\mu\text{S/cm}$ cho kết quả chính xác nhất (Sample conductivity > 0.3 $\mu\text{S/cm}$ for highest accuracy) có nghĩa là dưới 0.3 $\mu\text{S/cm}$ vẫn sử dụng được. • Thiết bị sử dụng công nghệ ISM tiên đoán được tuổi thọ đầu dò, hiển thị khuyến cáo được thời gian hiệu chuẩn đầu dò, hiển thị khuyến cáo thời gian bảo trì đầu dò.(kết nối với máy tính) • Hỗ trợ phần mềm kết nối máy tính để kiểm tra các thông số ISM • Thiết bị phải được hiệu chuẩn bởi chính hãng, • Các kỹ sư chính hãng phải thực hiện hướng dẫn và cung cấp chứng chỉ sử dụng chính hãng cho kỹ sư nhà máy							
20	Đầu dò đo PH	52000660 Mettler Toledo M200 Electr.320 Li-UPW-120-NTC pHure	Cái	2					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
21	Máy đo oxy+ đầu dò - Mettler Toledo M200	Nguồn cấp: 220VAC, Tín hiệu: 4-20mA, Dãi đo: 0 – 100ppb (ug/l) Lưu lượng hoạt động : 50-1000ml/min Nhiệt độ mẫu: 0-60°C Áp suất: 0 -5 bar • Thiết bị sử dụng công nghệ • Thiết bị phải được hiệu chuẩn bởi chính hãng, • Các kỹ sư chính hãng phải thực hiện hướng dẫn và cung cấp chứng chỉ sử dụng chính hãng cho kỹ sư nhà máy	Bộ	1					
22	Đầu dò đo Oxi	52201209 Mettler Toledo M200 Thornton ISM DO	Cái	2					
23	Máy đo silic hơi bão hòa - Mettler Toledo M300 2800Si hoặc tương đương	Nguồn cấp: 220VAC, Tín hiệu: 4-20mA, Màn hình hiển thị: Màn hình LCD 4line balcklit, 5 nút nhấn điều khiển, hiển thị nồng độ SiO₂ và trạng thái đo mẫu hay hiệu chuẩn tự động Khoảng đo: 0 – 200ppb Độ phân giải: 4 chữ số thập phân, tự động, đơn vị nhỏ nhất 0.001ppb Giới hạn đo: 0.5ppb Độ chính xác: ±5% tại độ đọc ±1ppb Chu kỳ đo : 20 phút hoặc có thể điều chỉnh Thuốc thử : 4l/3 tháng với chu kỳ đo là 20 phút 1. Ammonium Molybdate (160 g) 2. Oxalic acid (240 g) 3. Methylaminophenol sulfate (amino acid) (80g) Potassium disulfite (320 g) Lưu lượng mẫu : 200-250 mL/ phút	Bộ	1					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
		Nhiệt độ mẫu: 5 - 60°C (41- 140°F) Áp suất: 0.3 – 7 bar (5 – 100 psig) Zero calib : tự động sau mỗi chu kì đo Điều chỉnh khoảng calib: tùy chỉnh mỗi tháng 1 lần hoặc tự động sau mỗi chu kì. Ngõ kết nối : • Ngõ vào: 1/4" or 6mm • Ngõ ra: 19 x 25.4mm (3/4 x 1") Analog output: : 0/4 -20mA, 22mA alarm Nguồn: 100 – 250 VAC, 50-60Hz, 25W Nhiệt độ hoạt động: 10 – 50°C (50 - 122°F) Độ ẩm : 10 – 90% • Thiết bị phải được hiệu chuẩn bởi chính hãng, • Các kĩ sư chính hãng phải thực hiện hướng dẫn và cung cấp chứng chỉ sử dụng chính hãng cho kĩ sư nhà máy							
24	Ống dẫn hóa chất	LDPE Màu trắng 58091256 (cho bơm máy đo Silic Mettler Toledo)	Cái	2					
25	Bơm hóa chất	WMA P/N: 040PG1A.T15 400FD/A1 – 24VDC OEMpump - 35rpm T1 HL149.24.90WM (cho bơm máy đo Silic Mettler Toledo)	Cái	3					
26	Đầu cảm biến	Orion 100022 Lodide Half Cell ISE (Cho máy đo Hydrazyn Yokokawa WE430) Dải đo: 0-100ug/l	Cái	1					

STT	Tên vật tư, hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
27	Đầu cảm biến máy đo	Orion 100056 Reference Electrode (Cho máy đo Hydrazyn Yokokawa WE430) Dải đo: 0-100ug/l	Cái	1					
28	Thép mạ kẽm	U120; 120x50x5mm	kg	82,53					
29	Thép tấm	Thép chống trượt, 500x3000x4mm	kg	47,16					
30	Thép hộp	30x60x1.4mm	kg	23,03					
31	Sơn dầu	Galant, màu Xanh Sky Blue 502_0,8L	Kg	20					
32	Bóng đèn ốp trần	24W, 220VAC, loại đèn tròn	Cái	2					
33	Contactơ	CJX22/22; 220VAC Coil Motor Controler AC Contactơ 3 Pole 2NO+2NC 660V 31.5A CJX22/22	Cái	2					
34	Role nhiệt	CHINT 6.8-11A	Cái	1					
35	Role trung gian + chân đế	CHINT 6.8-11A; 14 chân; 220VAC	Cái	2					
36	Contactơ	LS 32A; Cuộn hút 220VAC	Cái	1					
	TỔNG								
	THUẾ VAT10%								
	THÀNH TIỀN SAU THUẾ								